

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LX
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2017/HNGĐ – ST
Ngày 01 tháng 12 năm 2017
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên;
2. Bà Nguyễn Thị Tường Vi.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang – Thư ký Tòa án.

Ngày 01 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 418/2017/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2017/QĐST – HNGĐ ngày 13/11/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Ngọc G, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: Số X, đường H, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Thành T, sinh năm 1983. Hộ khẩu thường trú: Số X, đường L, khóm B 3, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên lạc: Khóm T, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện nộp cho Tòa án ngày 04/7/2017, bản tự khai ngày 13/7/2017, các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc G trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T tự tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011. Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Đến nay, ông bà chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2016 thì phát

sinh mâu thuẫn, ngày càng trầm trọng nên ông bà tự ly thân từ đó. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp. Bà và ông T cũng tự hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Nay, do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn nên bà G yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông Phạm Thành T.

- Về quan hệ con chung: Bà và ông T có 01 (Một) con chung tên Đặng Ngọc Thiên D, sinh ngày 21/11/2012. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo bản tự khai ngày 02/10/2017, các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Thành T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà G tự tìm hiểu và tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đến tháng 5 năm 2016 thì ông và bà G ly thân đến nay. Nay, ông đồng ý với bà G về việc yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa ông bà là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Ông T thống nhất với bà G, ông bà có 01 (Một) con chung tên Đặng Ngọc Thiên D, sinh ngày 21/11/2012. Ông đồng ý để bà G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà G có đơn đề ngày 30/11/2017 về việc đề nghị Tòa án xét xử vắng tại phiên tòa ngày 01/12/2017. Ông T vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà G có Đơn đề ngày 30/11/2017 về việc đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với ông T, mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 19/10/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 86/2017/QĐST – HNGĐ ngày 13/11/2017 nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông T vẫn không có mặt. Căn cứ khoản 1 điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà G và ông T.

[2] Tranh chấp giữa bà Đặng Thị Ngọc G và ông Phạm Thành T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý vụ án.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông T thống nhất, ông bà tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2011. Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Đến nay, ông bà vẫn chưa tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông bà chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Ông bà không còn sống chung từ tháng 5 năm 2016 đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà G và ông T thống nhất thuận tình ly hôn.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, bà G và ông T hiện nay vẫn chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật là đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không thể công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông bà mà áp dụng điểm b khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội và Thông Tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp, tuyên bố không công nhận bà Đặng Thị Ngọc G và ông Phạm Thành T là vợ chồng.

[5] Về con chung: Bà G và ông T thống nhất, vợ chồng có 01 (Một) con chung tên Đặng Ngọc Thiên D sinh ngày 21/11/2012. Ông bà thỏa thuận, bà G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Sự thỏa thuận của ông bà không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà G không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà G và ông T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] **Về án phí:** Bà G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà G đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017954 ngày 02/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 9, Điều 14, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc G.

Tuyên bố bà Đặng Thị Ngọc G và ông Phạm Thành T không phải là vợ chồng.

- **Về con chung:** Bà G và ông T có 01 (Một) con chung tên Đặng Ngọc Thiên D sinh ngày 21/11/2012. Bà G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà G không yêu cầu.

Bà G cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không có.

Về án phí: Bà G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà G đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017954 ngày 02/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà G và ông T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- UBND P. Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phạm Xuân Khanh

